

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/5/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Hạnh;

2. Ông Hoàng Sĩ Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2021 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1994.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Vũ Thạch T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan (Vắng mặt, có đề nghị xử vắng mặt).

3. Người làm chứng: Ông **Vũ Thạch S**, sinh năm 1957 và bà **Lê Thị Đ**, sinh năm 1956, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh T tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND T, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/6/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh T và không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên sau đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống và do kinh tế khó khăn. Anh T thường xuyên đánh đập, xúc phạm vợ. Tháng 10 năm 2019 anh T đi lao động tại Đài Loan. Vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay. Tháng 5 năm 2021 chị Q đã đưa con thứ hai về sống tại nhà ông bà ngoại nhờ ông bà ngoại chăm giúp còn chị Q thuê trọ ở gần công ty chứ không sống cùng gia đình nhà chồng. Khi chị Q thông báo đã nộp thủ tục xin ly hôn tại tòa thì anh T có nói đồng ý ly hôn. Nay chị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, chung sống không có hạnh phúc, không thể hòa giải mâu thuẫn. Chị Q đề nghị tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để ổn định được cuộc sống mới.

- Về quan hệ con chung: Chị Q và anh T có 02 con chung là Vũ Thanh H, sinh ngày 25/12/2013 và Vũ Thạch Đ, sinh ngày 29/7/2017 hiện cháu H đang ăn ở học tập ổn định tại gia đình ông bà nội, còn cháu Đ đang ở cùng chị Q và ông bà ngoại. Cháu H có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội, cháu Đ còn bé nên khi vợ chồng ly hôn chị Q đề nghị tòa án giải quyết cho chị nuôi cháu Đ còn cháu H giao cho anh T nuôi dưỡng, hiện anh T không ở Việt Nam thì do ông bà nội thay anh T chăm sóc cháu. Chị Q và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Q xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai, bố mẹ đẻ của anh Vũ Thạch T là ông Vũ Thạch S và bà Lê Thị Đ trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Vũ Thạch T và chị Nguyễn Thị Q là vợ anh T và là con dâu của ông bà. Anh T và chị Q kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung cùng gia đình ông bà. Mâu thuẫn của anh T và chị Q cụ thể thì ông bà cũng không nắm được. Năm 2019 anh T đi lao động tại Đài Loan. Chị Q tự ý đem con về nhà bố mẹ đẻ sống và dọn ra ngoài sống không ở cùng gia đình ông bà nữa. Trước đây đã có lần do anh chị cãi nhau chị Q cũng dọn ra ngoài sống, ly thân với anh T. Do anh T không nói địa chỉ cụ thể nên ông bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T tại Đài Loan cho Tòa án được. Gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với anh T nên ông S và bà Đ nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh T biết việc chị Q đang yêu cầu Tòa án giải

quyết ly hôn, đồng thời thông báo nội dung các văn bản tố tụng của tòa án cho anh T biết. Qua trao đổi thì ông bà được anh T cho biết anh T có quan điểm rằng vợ chồng ly thân đã lâu, hiện anh T không có mặt ở Việt Nam nên đề nghị tòa án giải quyết vụ án vắng mặt theo pháp luật và anh T đồng ý ly hôn với chị Q. Anh T xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thanh H, sinh ngày 25/12/2013 và Vũ Thạch Đ, sinh ngày 29/7/2017, cháu H hiện đang ở cùng với ông bà nội còn cháu Đ ở cùng với chị Q. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H do cháu H cũng có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội, còn cháu Đ do chị Q nuôi dưỡng, vợ chồng không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hiện anh T không có mặt ở Việt Nam nên ủy quyền cho ông S và bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Về chi phí chăm sóc cháu H thì ông S và bà Đ xác định do ông bà và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị tòa án giải quyết. Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc thường xuyên thay đổi địa chỉ nên anh T không thể cung cấp địa chỉ cụ thể, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh T và tổng đạt các văn bản thông qua bố mẹ đẻ anh là ông S và bà Đ. Ông S và bà Đ đồng ý nhận thay để thông báo cho anh T. Ngoài ra ông bà không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56,81,82,83 Luật HN&GD năm 2014, Điều 147 BLTTDS năm 2015, Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Vũ Thạch T. Giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Thanh H, sinh ngày 25/12/2013, giao cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thạch Đ, sinh ngày 29/7/2017. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Q phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Chị Nguyễn Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vũ Thạch T là người Việt Nam hiện đang lao động tại Đài

Loan, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Chị Q chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh T ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh T tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu bố mẹ đẻ anh T là ông Vũ Thạch S và bà Lê Thị Đ cung cấp địa chỉ của anh T đến lần thứ hai nhưng ông S và bà Đ cũng không biết địa chỉ của anh T tại Hải Dương. Tuy nhiên ông bà vẫn liên lạc được với anh T nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh T. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Q vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thông báo qua thân nhân và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Q và anh T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh T tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND Thạch Lỗi, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/6/2013 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh T. Tuy nhiên do bất đồng quan điểm sống và do kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh chửi nhau. Tháng 10 năm 2019 anh T đi lao động tại Hải Dương. Vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay. Tháng 5 năm 2021 chị Q đã đưa con thứ hai về sống tại nhà ông bà ngoại còn chị Q thuê trọ ở gần nơi làm việc. Khi chị Q thông báo đã nộp thủ tục xin ly hôn tại tòa thì anh T có nói đồng ý ly hôn. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, chung sống không có hạnh phúc, không thể hòa giải mâu thuẫn nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để ổn định được cuộc sống mới.

Xét thấy hôn nhân của chị Q và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Thông qua ông S và bà Đ thì anh T cũng xác định vợ chồng ly thân đã lâu, đồng ý ly hôn với chị Q nên cần chấp nhận cho chị Q ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Thanh H, sinh ngày 25/12/2013 và Vũ Thạch Đ, sinh ngày 29/7/2017. Hiện cháu H đang ăn ở học tập ổn định tại gia đình ông bà nội, còn cháu Đ đang ở cùng chị Q và ông bà ngoại. Cháu H có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội, cháu Đ còn bé nên chị Q và anh T cùng có quan điểm đề nghị tòa án giải quyết cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu H còn chị Q tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ đến khi trưởng thành và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh T không ở Việt Nam thì do ông bà nội thay anh T chăm sóc. Về chi phí chăm sóc cháu H do ông S bà Đ và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Xét thấy quan điểm của anh chị có sự thống nhất và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận. Về chi phí chăm sóc cháu H do ông S bà Đ và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị Q và anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 474, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Vũ Thạch T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Thạch Đ, sinh ngày 29/7/2017 đến khi trưởng thành; giao cho anh Vũ Thạch T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Thanh H, sinh

ngày 25/12/2013 đến khi trưởng thành và do ông Vũ Thạch S, sinh năm 1957 và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1956, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương tiếp tục thay anh T chăm sóc trong thời gian anh T không ở Việt Nam. Anh T và chị Q không ai phải cấp dưỡng cho ai.

Chị Nguyễn Thị Q và anh Vũ Thạch T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2020/0004600 ngày 23/11/2021. Chị Q đã nộp đủ

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Vũ Thạch T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đăng Huy